

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03-02-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân D:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân D huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân D huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn 3 (Nãi Sơn), xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T - Luật sư của Công ty luật hợp danh V.I.P thuộc đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: Số 109 H1, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn 3 (Nãi Sơn), xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng K - Luật sư của Văn phòng Luật sư Á Đông thuộc đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: Số 135, đường Q, phường H1, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 04 tháng 11 năm 2020 và bản tự khai ngày 07 tháng 12 năm 2020, chị Ngô Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị chung sống với anh Phạm Văn D từ đầu năm 1995 do tự nguyện nhưng đến tháng 7 năm 1995 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K. Tuy nhiên do lưu giữ không cẩn thận, anh chị đánh mất nên đến ngày 28 tháng 9 năm 2002 chị và anh D đến UBND xã T đăng ký kết hôn lại. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 23 năm, đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ bạn bè, không tin tưởng nhau trong làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị đã đem theo 01 con nhỏ ra ở nhà riêng tại đường N, quận H, thành phố Hải Phòng từ tháng 5 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Phạm Phương T1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1995 đã thành niên đủ khả năng lao động để tự nuôi mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và Phạm Thái T2, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2009. Khi ly hôn, chị nhận tiếp tục nuôi cháu T2 đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn D khai thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ bạn bè. Chị H hay đi chơi với bạn bè, anh khuyên bảo nhiều lần không nghe nên vợ chồng có xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Chị H sống ly thân với anh từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Phạm Phương T1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1995 đã thành niên, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Phạm Thái T2, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2009. Chị H cương quyết xin ly hôn, anh nhận trực tiếp nuôi cháu T2 đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Luật sư T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn là chị H cùng thống nhất trình bày: Về nội dung, yêu cầu như đã trình bày tại đơn xin ly hôn và bản tự khai chị H đã nộp cho Tòa án, không bổ sung thêm nội dung gì khác. Vì lý do vợ chồng mâu thuẫn đã nhiều năm, đến cuối năm 2019 mâu thuẫn trở lên căng thẳng. Nguyên nhân do anh D thường xuyên kiểm soát về thời gian và nghi ngờ chị trong các mối quan hệ công việc kinh doanh, bạn bè dẫn đến bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng liên tục cãi nhau. Anh D nhiều lần xúc phạm, đánh chị H xong lại xin lỗi, gây ảnh hưởng về sức khỏe và tổn thương rất lớn về tinh thần của chị H. Đến tháng 5 năm 2020, chị H cùng con nhỏ là cháu T2 đã ở riêng tại nhà là cơ sở kinh doanh thứ hai của vợ chồng ở đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, anh D ở riêng tại nhà là cơ sở kinh doanh thứ nhất của vợ chồng ở thôn 3 (N), xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng do mâu thuẫn rất trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chị H không còn tình cảm và mất niềm tin với anh D nên cương quyết xin ly hôn anh D. Về con chung: Chị là người thường xuyên, trực tiếp chăm sóc cho cháu Phạm Thái T2 trong việc ăn, học còn anh D rất ít khi chăm sóc, đón đưa cháu đi học nên chị nhận nuôi cháu T2 đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng. Cháu lớn đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, công nợ: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn là anh D cùng thống nhất trình bày: Thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, có 02 con chung. Anh thường xuyên khuyên chị giữ gìn hình ảnh gia đình là doanh nhân về thời gian đi lại và cư xử trong các mối quan hệ nhưng chị không thực hiện được dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có xảy ra cãi nhau nhưng chỉ do hiểu lầm, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ. Chị cùng con nhỏ chỉ ở riêng tại nhà là cơ sở kinh doanh thứ hai của vợ chồng ở đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng từ khoảng vài tháng trở lại đây. Anh D ở tại nhà là cơ sở kinh doanh thứ nhất của vợ chồng ở thôn 3 (N), xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nhưng do anh còn tình cảm nên vẫn quan tâm đến chị. Anh muốn chị về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung và giữ gìn hình ảnh gia đình là doanh nhân. Vợ chồng không mâu thuẫn, anh không đánh chị H do không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc này. Chị H cương quyết xin ly hôn, anh muốn vợ chồng giải quyết xong về tài sản và công nợ thì mới đồng ý ly hôn. Vì vậy, đề nghị Tòa án xử bác đơn xin ly hôn của chị H. Về con chung: Nếu phải ly hôn, anh nhận nuôi cháu Phạm Thái T2 đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng, cháu lớn đã thành niên lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng D sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn, các Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 76 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng D sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng D sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H, xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Phạm Văn D.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thái T2, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2009 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, hai bên đương sự thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Đối với cháu Phạm Phương T1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1995, đã trưởng thành, lập gia đình riêng, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí D sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng D sự. Anh Phạm Văn D là bị đơn có nơi cư trú tại thôn 3 (Nãi Sơn) xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D huyện K, thành phố Hải Phòng theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng D sự.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xin ly hôn anh D; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thông tin do UBND xã T, huyện K cung cấp về quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn D có đăng ký kết hôn năm 1995, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 23 năm. Đến năm 2019, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin trong quản lý kinh tế, nghi ngờ nhau trong các mối quan hệ bạn bè dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Chị H đem theo 01 con nhỏ ra ở nhà riêng tại đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng từ giữa năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xin ly hôn anh D; quan điểm của UBND xã T anh chị có mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Chị H cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng chị H và theo quy định của pháp luật. Như vậy, cần xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp với các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thái T2, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2009 đến khi con đủ 18 tuổi. Căn cứ vào thông tin do UBND xã T cung cấp chị H có chỗ ở, việc làm ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng trở lên, đủ điều kiện nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử căn cứ vào thông tin do bà Đặng Thị H1 là mẹ đẻ chị H cung cấp, cháu T2 từ 02 năm nay ở cùng chị H được nuôi dưỡng rất tốt, chị có đủ điều kiện về vật chất, thời gian, chỗ ở cho cháu có cuộc sống ổn định. Anh D tuy cũng có điều kiện về kinh tế nhưng từ trước đến nay không dành nhiều thời gian chăm sóc, đưa đón cháu đi học và chỉ bảo cháu học hành nên không đủ điều kiện nuôi con. Cháu T2 có đơn đề nghị xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cháu T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với cháu Phạm Phương T1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1995, đã thành niên và lập gia đình ở riêng, chị H và anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí D sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng D sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thái T2, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí D sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số 0009003 ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án D sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí D sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã T, huyện K, HP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng